

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST

Ngày 20/3/2018

“V/v: Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG KHÁNH - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Thị Kim Phụng**

Các Hội thẩm nhân dân: **1/ Bà Trần Thị Tố Loan**

2/ Ông Nguyễn Văn Khánh

- Thư ký phiên tòa: **Cô Hoàng Thị Trà**, Thư ký TAND thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện VKS nhân dân thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Chinh, Kiểm sát viên.

Ngày 20/3/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2017/TLST - HNGĐ ngày 17/10/2017 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28/02/2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** **Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1967. (Có mặt)**

*** Bị đơn:** **Ông Bùi T, sinh năm 1966. (Vắng mặt)**

Cùng HKTT: Số 37, tổ 36, lô 10, ấp T, xã L, thị xã K, Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/9/2017, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà H trình bày:

Bà H và ông T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S vào năm 1995.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp nên thường xảy ra bất đồng, ông T thường uống rượu về nhà kiểm chuyện chửi mắng vợ con, đập phá đồ đạc trong nhà. Mâu thuẫn kéo dài đã lâu. Nay bà H nhận thấy không thể hòa hợp chung sống nên yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung là cháu Bùi Nguyễn Phi D, sinh năm 1996 và Bùi Nguyễn Thùy V, sinh ngày 27/7/2001. Cháu D đã trưởng thành. Bà yêu cầu nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ bà H đã giao nộp cho Tòa án gồm: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản sao), bản tự khai ngày 17/10/2017.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn là ông T trình bày: ông thống nhất với lời khai của bà H về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Ông T cho rằng vợ chồng sống rất hạnh phúc. Trong cuộc sống đôi lúc có xảy ra mâu thuẫn nhưng không đến mức phải ly hôn. Hiện tại ông vẫn yêu thương vợ con nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông T không có ý kiến.

Các tài liệu, chứng cứ ông T đã giao nộp cho Tòa án gồm: Chứng minh nhân dân (bản sao).

*** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa:**

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho bà H ly hôn với ông T, giao cháu Bùi Nguyễn Thùy V, sinh ngày 27/7/2001 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt (Bút lục số 43). Căn cứ Khoản 1, Điều 228 - Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về tư cách tố tụng: Bà H có đơn khởi kiện đối với ông T nên bà H được xác định là nguyên đơn, còn ông T là bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Bùi T tự nguyện xây dựng gia đình với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 1995. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, theo bà H nguyên nhân là do ông T thường xuyên uống rượu về kiêu chuyện chửi vợ, con, đập phá đồ đạc, không tôn trọng bà và gia đình bà. Bà đã cố gắng chịu đựng để gia đình êm ấm nhưng ông vẫn không thay đổi (Bút lục số 18)

Ông T cho rằng vợ chồng ông sống rất hạnh phúc. Trong cuộc sống đôi lúc có xảy ra mâu thuẫn nhưng không đến mức phải ly hôn. Ông T không đồng ý ly hôn vì ông còn yêu thương vợ con.

Ngoài ra tại biên bản lấy lời khai của cháu Bùi Nguyễn Thùy V vào ngày 02/11/2017 là con ruột của bà H và ông T (Bút lục số 20) và biên bản lấy lời khai của bà Trương Thị T vào ngày 02/11/2017 là mẹ ruột của bà H (Bút lục số 22) cho thấy: bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Bùi T thường xuyên mâu thuẫn. Ông T thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện gây gổ với bà H. Gia đình có hàn gắn, khuyên ngăn nhưng không có kết quả.

Từ những nhận định trên thấy rằng, cuộc sống hôn nhân của bà H và ông T không hạnh phúc, mâu thuẫn thật sự trầm trọng, vợ chồng không còn tôn trọng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ nên xử cho bà H và ông T được ly hôn.

[5] Về con chung: Giao cháu Bùi Nguyễn Thùy V, sinh ngày 27/7/2001 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Tạm thời, ông T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 266 - Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Ngọc H ly hôn với ông Bùi T.

- *Về con chung:* Giao cháu Bùi Nguyễn Thùy V, sinh ngày 27/7/2001 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Tạm thời, ông T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* Bà H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 007881 ngày 17/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

** Nơi nhận:*

- TATĐN;
- VKSLK;
- THALK;
- UBND xã S;
- Dương sự;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Kim Phụng

Long Khánh, ngày 29 tháng 3 năm 2017

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 15 phút, ngày 29 tháng 3 năm 2017.

Tại phòng nghị án.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Kim Phụng**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Phạm Thị Tổng**

2/ Ông **Nguyễn Thành Ngọc**

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 253/TLST-HNGĐ ngày 09/02/2017 về việc "Ly hôn" giữa:

* **Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị Phương**, sinh năm 1960

* **Bị đơn:** Ông **Phạm Thái Thuận**, sinh năm 1960

Cùng địa chỉ: Tổ 24, ấp Núi Tung, xã Suối Tre, thị xã Long Khánh, Đồng Nai

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

+ **Ý kiến Hội thẩm nhân dân thứ nhất:** Xét thấy bà Phương và ông Thuận tình cảm không còn do mâu thuẫn trầm trọng, hai vợ chồng đã ly thân không còn sống chung từ năm 2015 đến nay. Xét thấy hôn nhân không thể kéo dài, đời sống chung không hạnh phúc nên đề nghị cho bà Phương ly hôn với ông Thuận.

- **Về con chung:** Đã trưởng thành không xem xét giải quyết.

- **Về tài sản chung:** Đương sự tự thỏa thuận không xem xét giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không xem xét.

- **Về án phí:** bà Phương phải chịu 200.000 đồng án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định.

+ **Ý kiến Hội thẩm nhân dân thứ 2:** Thống nhất với ý kiến hội thẩm thứ nhất.

+ ***Ý kiến Thẩm phán:*** Thống nhất với hai ý kiến trên như sau:

Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 =100% biểu quyết như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 203, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản a Điều 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận cho bà Trần Thị Phương ly hôn với ông Phạm Thái Thuận.

- *Về con chung, tài sản chung và nợ chung:* Không xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* Bà Phương phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 008449 ngày 06/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Khánh.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Biên bản kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Tổng Nguyễn Thành Ngọc

Huỳnh Thị Kim Phượng